
Hiến Pháp TRƯỜNG HỮU ĐỨC (1890-1976)

Hiến Pháp TRƯỜNG HỮU ĐỨC (1890-1976)



Ngày 20-5-Tân Hợi (dl 12-6-1971), Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức có tự viết Tiểu sử của Ngài, xin chép y theo nguyên văn như sau đây:

"Trương hữu Đức, sanh ngày mùng 2 tháng 2 năm Canh Dần (1890) (trên giấy tờ sanh năm 1892), con Ông Trương văn Tụ (chết) Cựu Cai Tổng Cầu An Thượng, làng Hiệp Hòa (Chợ Lớn), Giáo Sư phái Ngọc và Bà Lê thị Nhụy tức Sót (chết).

(Hiền nội của Ngài Trương hữu Đức là Bà Nguyễn thị Sanh, nhập môn vào Đạo Cao Đài rất sớm, được Đức Chí Tôn phong phẩm Nữ Lễ Sanh, do kỳ Phong Thánh Nữ phái lần thứ nhất ngày 14-Giêng-Đinh Mão, dl 15-2-1927).

Nhập môn vào Đạo Cao Đài từ năm Ất Sửu (1925) lúc mới còn xây bàn, vì lúc ban sơ, những người theo đạo đều do lệnh Đức Chí Tôn chỉ định, nên không có Số Cầu Đạo.

Trong số 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn nêu tên trên bài thi tứ tuyệt trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thứ I có tên **ĐỨC** (sau thọ phong **Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài**), hiệp với Ông **HẬU** thành cặp phò loan truyền đạo, Ông Hậu sau thọ phong **Bảo Pháp Hiệp Thiên Đài**.

Trong lúc các Ông Cao quỳnh Cư, Phạm công Tắc và Cao hoài Sng bày cuộc xây bàn thì Đức còn hoài nghi cho rằng mấy bạn ấy giả ngộ chơi nên không tin; về nhà, Đức đem bàn ra, đặt tay lên xây thử để xin thi, tức thì có vong linh người anh nhập, nhưng thay vì cho thi, lại cho 2 vị thuốc. Đức uống thuốc ấy lành bệnh hậu trên 20 năm.

Qua bữa kể đó, vào lúc đứng ngo, trong khi thanh tịnh, Đức bắt chước Ông Tắc, chấp bút một mình và cầu nguyện xin thi. Có vị **Minh Nghĩa Tiên Ông** giáng bút cho bài thi như sau:

Minh Đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn ao ước cái không hay.
Mừng cầu Âu Á càng thêm mật,
Mừng nậu côn đồ đã chịu chay.

Đức chỉ xin được một bài thi đó thôi, sau chấp bút hoài cũng không được. Từ đó, Đức hết lòng tin tưởng, ăn chay luôn, phụng thờ Đức Cao Đài và hiệp cùng các đồng đạo đi phổ độ các nơi.

Cấp cơ Hậu - Đức có nhiệm vụ chấp cơ truyền đạo, mà mỗi đêm thứ bảy phải chấp cơ tại Thánh Thất Cầu Kho (Thánh Thất tạm nơi nhà Ông Đốc Bản) để cho thiện nam tín nữ đến hầu đàn cầu đạo. Đồng thời mỗi đêm khác đều đi phổ độ các nơi thôn quê sau khi mãn giờ làm việc, vì lúc ấy, Ông Hậu làm Đốc học trường tư thực, còn Đức thì làm công chức cho chánh phủ Pháp.

Lắm khi phải đi suốt đêm, sáng về điểm tâm rồi đi làm việc luôn, nhưng vì sự tin tưởng nên không biết nhọc. Có nhiều đêm, Đức phải đi lên Gò Kén (Tây Ninh) để chấp cơ tại đó cho nhơn sanh nhập môn cầu đạo.

Lúc đạo mới mở, Đức Chí Tôn chẳng những giáng cơ độ rỗi nhơn sanh mà còn ban điển lành cho các đồng tử để chữa bệnh cho bốn đạo. Vì vậy mà Đức chữa lành nhiều bệnh tê thủng, dịch tả, và cam, vv . . . Việc chữa bệnh có được kết quả như vậy là nhờ điển lành của Đức Chí Tôn ban cho, chứ mấy vị đồng tử đâu có phải là người chữa bệnh.

Sự huyền diệu lạ lùng ấy làm cho đức tin của mọi người được tăng gia. Nhưng chẳng bao lâu, khi Đạo lập thành rồi, thì việc chữa bệnh bằng nhơn điển phải ngưng một lượt với cơ bút, vì e có sự lạm dụng.

Khi thọ phong chánh thức vào hàng Thập nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài với chức Hiến Pháp Chơn Quân, Đức thường lên xuống Tòa Thánh Tây Ninh để hành đạo trong lúc rảnh rang, vì Đức vẫn còn giúp việc cho Chánh phủ Pháp, tòng sự tại Sở Hòa Xa Sài gòn.

Sau, Đức được Ông Chánh Sở Mật Thám Nam Kỳ là Ông Nadau mời đến để giao chức vụ Thông dịch viên Sở ấy. Trước khi nhận lời, Đức có cầu cơ thỉnh giáo Đức Chí Tôn, vì lúc bình thường, Đức không thích giúp việc cho Sở ấy, là Sở không có cảm tình đối với dân chúng.

Đức Chí Tôn dạy Đức nên qua giúp việc cho Sở ấy vì sẽ có cơ hội giúp Đạo. Quả thật như lời Đức Chí Tôn nói, chẳng bao lâu Ông Cao quỳnh Cư (tức **Cao Thượng Phẩm**), có ra bản "**PHỔ CÁO CHÚNG SANH**" để truyền bá Đạo Cao Đài, trên bìa Bản Phổ Cáo ấy có tựa đề "**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**".

Lần đầu tiên Bản Phổ Cáo ấy không có kèm thêm chữ Hán, nhưng lần sau, Ông Cư có thêm mấy chữ Hán. Để tượng trưng Tam giáo qui nguyên, ngoài bìa Phổ Cáo Chúng Sanh có vẽ hình 3 vị Giáo chủ là Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, và Đức Khổng Tử.

Bản Phổ Cáo Chúng Sanh in lần đầu được gửi ra Nha Tổng Giám Đốc Mật Thám Hà Nội để dịch ra Pháp văn. Nhưng người thông dịch viên ngoài ấy lại dịch câu tựa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đạo lớn cứu vớt 3 Kỳ.

Lúc đó là lúc nhà cầm quyền Pháp để ý theo dõi hành vi Đạo Cao Đài rất gắt, nên Hà Nội gửi bài dịch văn ấy vào Nam hỏi Ông Chánh Sở Mật Thám Nadau, có phải Đạo Cao Đài làm chánh trị không, để họ giải tán.

Nhằm lúc ấy, Ông Nadau tin dùng Đức, nên Ông mới đến hỏi bài dịch văn ấy có đúng nghĩa không?

Đức trả lời rằng: - Không đúng, vì nguyên văn câu ấy có nghĩa là Đại Đạo mở lần thứ 3 để độ rỗi, chứ không phải cứu vớt 3 Kỳ (*trong Liên bang Pháp là Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ*).

Để trưng bằng cứ cụ thể, Đức đem trao cho Ông Nadau Bản Phổ Cáo Chúng Sinh có in chữ Hán. Ông liền phúc trình ra Hà Nội giải thích rõ việc ấy. Nhờ đó mà Đạo khỏi bị giải tán và người Đạo cũng đỡ khổ. Đó là bằng chứng **Đức cứu Đạo**.

Còn nhiều việc khác nữa, nhưng không đáng kể.

Qua năm 1945, Pháp bị Nhật bốn đảo chánh tại Đông Dương, Đức tản cư về thôn quê, nhưng ở đâu cũng không yên, Đức liền về Tòa Thánh, ở được một hôm thì Pháp đổ bộ, bắn chết một Đạo hữu ở Rừng Thiên nhiên (Tòa Thánh). Tính không êm, Đức liền rời khỏi Tòa Thánh, băng rừng đi bộ từ Tây Ninh về Lộc Giang (Chợ Lớn). Lúc đó dẫu có tiền cũng không có xe đi.

Tản cư ở Lộc Giang được một thời gian, Đức trở lại quê nhà ở Hiệp Hòa (Chợ Lớn), nhưng sau lại tản cư xuống chùa Minh Đức nơi Đền Thờ Phật Mẫu tại cầu Băng Ky Gò Vấp, do Ông Sĩ Tải Nguyễn văn Thiệt làm chủ, lúc ấy cùng ở chung với mấy Ông: Bảo Pháp, Bảo Thế, Khai Đạo, cũng đồng cảnh huống.

Cũng trong năm 1945, bị bom Nguyên tử, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Pháp trở lại Đông Dương và chiến đấu với Việt Minh. Pháp kêu gọi công chức hồi cư để hiệp tác, Đức còn do dự mấy tháng. Đến năm 1946, mới chịu trở lại vì hoàn cảnh bắt buộc.

Đến năm Nhâm Thìn (1952), được giấy hồi hưu, Đức trở về Hiệp Hòa ở chung với người em ruột trong một ngôi nhà tranh rách nát. Nhờ vậy mà tránh khỏi Việt Minh và quân đội Pháp khủng bố. Quân đội này chỉ khủng bố những nhà tốt mà thôi. Đức cũng muốn về Tòa Thánh làm Đạo nhưng vì lúc ấy, Đạo còn dùng rất nhiều quân đội nên không về vì tình trạng không hợp.

Mãi đến hạ tuần tháng 8 năm Ất Mùi (1955), quân đội Cao Đài, một phần tự giải ngũ, một phần gia nhập vào quân đội quốc gia, còn Đức Phạm Hộ Pháp thì bị cấm phòng tại Hộ Pháp Đường, Đức mới về Tòa Thánh để quan sát tình hình và hiệp với các Chức sắc khác để lo gỡ rối cho Đạo.

Nói đến đây, Đức không quên ghi ơn 2 Ông bạn Hiệp Thiên Đài là Bảo Thế và Tiếp Pháp, có lòng đến tận nhà ở Hiệp Hòa, khuyên Đức về hợp tác hành đạo. Vì vậy mà Đức mới thanh toán hết gia nghiệp mới gầy dựng được chút ít, chí quyết phứt đời hành đạo, mong cứu vãn tình thế, vì lúc ấy là lúc hỗn loạn. Có nhiều Chức sắc và Đạo hữu bị giam cầm do Ban Thanh Trừng điều khiển.

Năm Bính Thân (1956), Đức cùng Hội Thánh ký kết Thỏa Ước với Chánh phủ Cộng Hòa, cam kết không làm chánh trị. (*Thỏa Ước Bính Thân 1956, xem nơi Tiểu sử của Ngài Bảo Thế Lê thiện Phước*).

Đồng thời Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc đang lưu vong tại Nam Vang, lại phát động **Phong trào Hòa bình Chung Sống**, và chỉ định Đức làm đại diện cho Người nơi Tòa Thánh.

Vì lẽ đó mà Đức bị tình nghi và bị cấm cư trú 2 năm tại Sài Gòn, mặc dù Đức không thọ lãnh chức Trưởng Ban Miền Nam Phong trào Hòa bình Chung Sống do Đức Phạm Hộ Pháp bổ nhiệm, nghi vì đã ký Thỏa Ước Bính Thân, thì cố nhiên phải tôn trọng chữ ký của mình.

Mãn 2 năm cư trú, Đức trở về nhà với gia đình để dưỡng sức vì tuổi cao kỷ trưởng. Tuy nhiên, đối với sự thành bại của Đạo, không thể ngồi ngó cho đành.

Vậy nên vào lúc tháng 9 năm Nhâm Dần (1962), Đức trở về Tòa Thánh tái thủ phận sự tại Hiệp Thiên Đài với nhiệm vụ: **Tuyển soạn Thánh Ngôn và viết Đạo Sử**.

Chí nguyện làm tròn phận sự, rồi có nhắm mắt theo Thầy cũng ngậm cười nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống, từ ấy, Đức cộng tác với Đức Thượng Sanh.

Ngoài nhiệm vụ kể trên, còn kiêm nhiệm thêm Bộ Pháp Chánh, Ban Kiểm Duyệt, Ban Đạo Sử và Thơ viện cho đến ngày nay.

Đặc phong **Quyền Chương quản Hiệp Thiên Đài** và cuộc lễ Tấn Phong được tổ chức ngày Chúa Nhật 21-5-Tân Hợi (dl 13-6-1971) tại Tòa Thánh Tây Ninh, có mời Chánh quyền, các đoàn thể và các tôn giáo bạn đến dự."

Tòa Thánh, ngày 20 tháng 5 Tân Hợi (dl 12-6-1971)

HIẾN PHÁP Hiệp Thiên Đài

Trương hữu Đức

Sau ngày Đức Thượng Sanh đăng Tiên (26-3-Tân Hợi, dl 21-4-1971), Hội Thánh Hiệp Thiên Đài họp phiên Đại Hội vào ngày 24-4-Tân Hợi (dl 18-5-1971) để công cử vị cầm **quyền Chương quản Hiệp Thiên Đài**, thì toàn Hội đồng thanh cử Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức lên đảm nhận trọng trách ấy.

Vi Bằng công cử được dâng lên quyền thiêng liêng, Đức Phạm Hộ Pháp giáng cơ chấp nhận và phê chuẩn, do đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh ngày 6-5-Tân Hợi (dl 29-5-1971).

Tháng 4 năm Quý Sửu (1973), trong đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp đồng ý thăng nhiệm cho Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức lên **Chương quản Hiệp Thiên Đài**, để đủ quyền năng thực hành trọng trách bảo thủ Luật pháp Chơn truyền hầu phát triển nền Đạo.

Từ ngày lãnh trọng trách Chương quản Hiệp Thiên Đài, Ngài Hiến Pháp rất lo âu và tận tụy với nhiệm vụ, nên thường hay bệnh hoạn, mỗi lúc mỗi nhiều hơn.

Ngài đăng Tiên lúc 20 giờ 15 phút ngày 15-12-Ất Mão (dl 15-1-1976), hưởng thọ 87 tuổi.

Trong Bài Điều văn của Ngài **Bảo Đạo Hồ tấn Khoa**, đọc trước liên đài của Ngài Hiến Pháp, trước khi nhập bửu tháp, có một đoạn quan trọng, xin trích ra sau đây:

- Nhớ buổi xưa, lúc cơ Đạo chính nghiêng, Đức Phạm Hộ Pháp đang bị bao vây trong Hộ Pháp Đường, cả Chức sắc lương phái lương Đài đang hoang mang, nhơn tâm bất nhứt, tâm lý bất đồng, sống trong hoàn cảnh hồi hộp lo âu sợ sệt, đột nhiên thấy Anh (Hiến Pháp) đơn độc xách gói về Tòa Thánh.

Anh Bảo Thế và các Anh khác hỏi Anh về Tòa Thánh làm gì trong lúc khó khăn rối rắm như vậy?

Khi ấy, lần đầu tiên Em đặng gặp Anh và cũng lần đầu tiên Em nghe Anh thốt ra một câu trả lời bất hủ, mà Em vẫn còn ghi mãi trong ký ức, lấy làm gương sáng cho bước hành đạo, và hôm nay, Em xin phép nhắc lại cho toàn thể các bạn Đạo hiện diện nơi đây đặng biết và ghi nhớ để làm phương châm hành đạo.

Anh nói rằng: "- Sách xưa có dạy: *Gia bần tri hiếu tử, Quốc loạn thức trung thần*, trong Đạo cũng vậy, lúc cơ Đạo thanh hành, ai cũng làm đặng. Hôm nay gặp buổi chinh nghiêng, nền Đại Đạo đang cơn bối rối, **Đức này mới xin về để cùng chia sốt phần nào cảnh lo âu khó nhọc với Anh Em.**"

Lời nói bất hủ này cho ta thấy tinh thần hy sinh phục vụ của Anh cao cả là dường nào và có mãnh lực nhắc cho chúng ta cả thấy nhớ **câu Minh Thệ: Hiệp đồng chư môn đệ**, để mỗi khi cơ Đạo gặp cảnh khó khăn, thì chúng ta phải nhứt tâm nhứt trí siết chặt hàng ngũ, trụ vững đức tin, chia đau sốt khổ với nhau, để cùng phục vụ cho Đạo pháp và cho nhơn sanh, chớ không lý do gì lánh né phận sự, để miệng thế bia danh muôn thuở.

Đầu năm 1975, trong lúc nội chiến giữa quân đội quốc gia và quân đội cộng sản xảy ra rất ác liệt trong toàn Miền Nam VN, Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức, với tư cách là Chương quản Hiệp Thiên Đài, lãnh đạo tối cao của Đạo Cao Đài, có gởi một bức Thông Điệp kêu gọi Hòa bình đến các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến và yêu cầu đặt vùng Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh ra ngoài vòng chiến tranh.

Sau đây là Nguyên văn Thông Điệp Hòa bình này:

Văn Phòng
CHƯƠNG QUẢN HIỆP THIÊN ĐÀI

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(*Ngũ thập niên*)
TÒA THÁNH TÂY NINH

THÔNG ĐIỆP

của Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh về
Hòa Bình Việt Nam

Kính gởi:

- Các Chánh phủ liên hệ trong cuộc chiến tại VN.
- Ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.
- Ông Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Soát Quốc Tế Đình chiến tại VN.
- Chánh Phủ các quốc gia trong Liên Hiệp Quốc.
- Các nhà Lãnh đạo Tôn giáo.

Nghĩ vì Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 qui định cuộc đình chiến ở VN là một niềm hy vọng lớn lao cho toàn cả dân VN đã quá đau khổ vì nạn chiến tranh, nay mong được thấy Hòa bình lập lại.

Nhưng ngược lại, hai năm qua mà cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn ngày càng ác liệt, gây không biết bao nhiêu cảnh máu đổ thịt rơi, cửa nhà tan nát, mỗi ngày hy sinh cả ngàn thanh niên ưu tú của dân tộc, làm cho mọi người phải đau lòng thất vọng.

Trước cảnh tang thương tang tóc của dân lành, Hội Thánh và toàn thể tín hữu Cao Đài luôn luôn giữ vững tôn chỉ cộng yêu hòa ái của một nền tôn giáo đại đồng và trung thành với đường lối Hòa bình Chung sống của Đức Hộ Pháp Phạm công Tắc chủ trương để hòa giải dân tộc.

Nên thiết tha kêu gọi quý Lãnh tụ các bên lâm chiến:

1) Xin mở lòng thương xót đồng bào ruột thịt của chúng ta quá đau khổ vì chiến tranh, sớm bình tĩnh ngồi lại để tự giải quyết vấn đề nội bộ giữa người Việt với nhau trong tình huynh đệ, tương thân tương ái, tương nhượng, hầu chấm dứt nạn chiến tranh tàn khốc. Đặng như vậy, cả 40 triệu đồng bào VN sẽ ghi ơn quý vị và thế hệ mai sau sẽ ghi một điểm son vào trang lịch sử hiện tại cho quý vị.

2) Xin lưu tâm đến Tổ Đình Tòa Thánh Tây Ninh và cả vùng Thánh địa gồm 19 Phận đạo là nơi tôn nghiêm sùng bái của toàn thể tín hữu Cao Đài và cũng là nơi gần nửa triệu dân lành chỉ biết tu hiền, sống đông đúc nơi đây được đôi bên đặt ngoài vòng chiến, để tránh khích động đến lòng tín ngưỡng của mấy triệu tín hữu trong toàn quốc.

3) Nếu muốn dùng một nơi nào trong vùng Thánh địa Tây Ninh để làm địa điểm của 2 bên và Ủy Hội Quốc Tế làm nơi hòa đàm trong quốc nội thì chúng tôi có thể sẵn sàng chấp thuận. Trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề Hòa bình VN, trật tự an ninh nơi đây sẽ tạm thời do Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đảm nhiệm.

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chúng tôi cũng thiết tha kêu gọi các cường quốc trong 2 khối và tất cả các quốc gia Hội Viên Liên Hiệp Quốc, cùng toàn thể nhân dân yêu chuộng Hòa bình trên thế giới chúng nhận và ủng hộ lời kêu gọi này.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Ngày 04-12-Giáp Dần (dl 15-1-1975)
Thay mặt Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Chương Quán Hiệp Thiên Đài
Hiến Pháp TRƯỞNG HỮU ĐỨC
(ấn ký)

Bài Thài hiến lễ Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức:

HỮU ĐỨC mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn mong ước cái không hay.
Mừng nay gặp Đạo lòng mong muốn,
Chí quyết cùng nhau để hiệp vầy.

Nguyên Đức Chí Tôn cho biết nguyên căn của Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức là **Từ Hàng Đạo Nhơn** và Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu là **Xích Tinh Tử**. Quí Cốc Đại Tiên có giáng cơ cho mỗi Ngài một Bài thi. (Xin đọc giả xem lại *Tiểu Sử của Ngài Bảo Pháp Nguyễn trung Hậu*)

Ngài Hiến Pháp Trương hữu Đức có bút hiệu là **Thân Dân**, có làm khá nhiều bài thi đường luật, xin trích ra đây vài bài tượng trưng:

ĐẠO ĐỜI TƯƠNG ĐẮC
Đạo Đời tương đắc cứ như nhiên,
Đời Đạo đôi bên nắm vững quyền.
Đạo đắc như tâm, Đời đắc sách,
Đời do dân ý, Đạo dân quyền.
Ái hòa Đạo dụng làm căn bản,

Nhân nghĩa Đời toan giúp phổ truyền.
Đời Đạo tương liên gieo Thánh đức,
Nhơn sanh an hưởng cảnh Thần Tiên.

Ba đào sóng bủa bởi thuyền to,
Lèo lái kiên gan vững phận trò.
Nẻo tắt đường quanh bèn sức chống,
Sông sâu biển thẳm gắng công dò.
Lướt dòng cạy có nhiều thần lực,
Quá hải nương nhờ bóng tự do.
Bến tục thuyền từ diu độ chúng,
Đưa vào nguồn sống khỏi tò mò.

THÂN DÂN

Họa nguyên vận 2 bài thi Ngự và Tiêu của Ông **Huệ Giác**:

Nghinh ngang mặt nước một con thuyền,
Cái thú ngư ông ấy thú Tiên.
Bủa lưới bao trùm gồm bốn biển,
Giăng câu định hướng nắm ba giềng.
Ở trần không nhiễm mùi trần tục,
Xử trí yên vui cảnh trí riêng.
Trời Đất rộng thênh dành một cõi,
Thú nhàn quyết tránh lợi danh quyền.

Nào phải nông gia sợ mất mùa,
Tiêu phu nghề ấy khởi nài mua.
Rừng tòng phủ sạch điều hơn thiệt,
Rìu búa chi màng cảnh được thua.
Trối kệ những ai ham đổi mới,
Thìn lòng riêng tứ giữ nghề xưa.
Chim trời cá nước ai ngăn đón,
Danh lợi đâu cần nhọc trí đua.

HIỂN PHÁP Trương hữu Đức

Biệt hiệu Thân Dân